TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 -05-2022
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ**
Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**
Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Phạm Mạnh Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thanh H**, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Khu 16, xã Đ X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Bùi Xuân Đ**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Khu 16, xã Đ X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Phạm Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bùi Xuân Đ ngày 16/11/2012, có sự tình hiểu tự nguyện và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Đ X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ chơi bời, nợ nần, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2020, anh Đ đi làm ăn, từ đó hai bên sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Gia Tuấn A, sinh ngày 22/12/2012 và cháu Bùi Thị Quỳnh P, sinh ngày 9/5/2014. Cháu Phương hiện nay đang ở với chị H, cháu Tuấn Anh hiện nay đang ở với anh Đ và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Bùi Thị Quỳnh P, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Gia Tuấn A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị đề nghị tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Bùi Xuân Đ đến làm việc và thông báo cho anh Đ đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án làm việc cùng bà Lê Thị T là mẹ đẻ của anh Bùi Xuân Đ cho biết:

Anh Đ và chị H kết hôn năm 2012, quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 thì do anh Đ chơi bời, làm ăn thua lỗ nên đã bỏ đi làm ăn xa chỉ để chị H ở nhà nuôi con. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà và đã thông báo cho anh Đ biết, anh Đ cũng đã biết việc chị H xin ly hôn. Anh Đ không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo pháp luật. Chị H và anh Đ có 2 con chung, nếu ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi 1 cháu.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ X và Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ X, xác định: Anh Đ và chị H đăng ký kết hôn với nhau năm 2012, tại UBND xã Đ X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn. Về mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh Đ địa phương có nắm được, vì anh Đ làm ăn thua lỗ đã bỏ đi làm xa. Vợ chồng sống ly thân. Hiện nay chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị H và anh Đ có 02 con chung, cháu Tuấn Anh hiện nay đang ở với bố và ông bà nội, cháu Phương đã cùng mẹ về quê ngoại sinh sống. Nay chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ và trẻ em.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

- Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Đ.*

Về con chung: Giao cháu Bùi Gia Tuấn A, sinh ngày 22/12/2012 cho anh Bùi Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; giao cháu Bùi Thị Quỳnh P, sinh ngày 9/5/2014 cho chị Phạm Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Đ về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh Đ đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả thể hiện anh Đ có đăng ký HKTT tại Khu 16, xã Đ X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Qua xác minh bà Lê Thị T là mẹ đẻ của anh Đ thì anh Đ vẫn về thăm nhà và có biết nội dung Toà triệu tập đến làm việc nhưng

anh Đ không đến. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Chị H có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với anh Đ vào ngày 16/11/2012, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Đ X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H, anh Đ xảy ra mâu thuẫn do anh Đ chơi bời, làm ăn thua lỗ, anh Đ bỏ đi làm ăn xa, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thực tế chung sống từ năm 2020, chị H đã về sinh sống với bố, mẹ đẻ. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Đ. Quá trình giải quyết anh Đ đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia hòa giải. Bà Lê Thị T là mẹ đẻ của anh Đ cho biết, anh Đ đã biết việc chị H xin ly hôn, quan điểm là không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo pháp luật nhưng xin nuôi 1 cháu. Chính quyền địa phương, Hội phụ nữ xã Đ X, huyện Thanh Thủy xác định; chị H và anh Đ có mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân không còn chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Đ đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân được thời gian đã lâu, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không quan tâm, hợp tác hòa giải. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh Đ là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Bùi Gia Tuấn A, sinh ngày 22/12/2012 và cháu Bùi Thị Quỳnh P, sinh ngày 9/5/2014.

Xét thấy, hiện cháu Tuấn A đang ở cùng anh Đ và ông bà nội, cháu P đang ở cùng chị H. Các cháu đều có chỗ ở ổn định, được chăm sóc tốt, khỏe mạnh. Xét nguyện vọng của cháu Tuấn Anh muốn được ở cùng bố, cháu Phương muốn được ở cùng mẹ. Do đó HĐXX thấy cần giao cháu Tuấn A cho anh Đ; giao cháu Phương cho chị H; trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo cuộc sống ổn định tránh thay đổi không có lợi với các cháu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị H đề nghị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5,Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thanh H được ly hôn anh Bùi Xuân Đ.

2. Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Bùi Gia Tuấn A, sinh ngày 22/12/2012 và cháu Bùi Thị Quỳnh P, sinh ngày 9/5/2014.

Giao cháu Bùi Gia Tuấn A cho anh Bùi Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Tuấn Anh thành niên; giao cháu Bùi Thị Quỳnh P cho chị Phạm Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Phương thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí DSST: Chị Phạm Thanh H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005893 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ X (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đặng Xuân Bộ